

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: *1489*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Phai Kịt,
xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1159/GP-UBND ngày 19/6/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần 389;

Xét Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Phai Kịt, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc của Công ty cổ phần 389 nộp ngày 17/5/2013; hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung nộp ngày 16/9/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 384/TTr-STNMT ngày 17/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Phai Kịt, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn” với nội dung sau:

1. Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 121 + 122 là 673.260 m³, trong đó: Cấp 121 là 200.176 m³; cấp 122 là 473.084 m³.

2. Khoáng sản đi kèm: Không có.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc;
Chủ tịch UBND xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc; Giám đốc Công ty cổ phần 389
và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 15

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT (03b), XD, CT, KH&ĐT;
- CPVP, KTN;
- Lưu: VT, VQK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lý Vinh Quang

SỞ KH VÀ ĐT TỈNH LẠNG SƠN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4900228639

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 8 năm 2004
Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21 tháng 12 năm 2009

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN 389**
- Địa chỉ trụ sở chính: *Số 43, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*

Điện thoại: (025)3810917

Fax: (025)3810917

Email: *Cophan389truong@yahoo.com.vn*

- Ngành, nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; xây dựng công trình ngầm, xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, lắp đặt ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước;

- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;

- Mua bán, khai thác, chế biến vật liệu xây dựng;

- Sản xuất, mua bán cấu kiện bằng bê tông;

- Khai thác, chế biến quặng kim loại;

- Dịch vụ nổ mìn;

- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn;

- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;

- Kinh doanh vận tải;

- Mua bán khí ô xi, khí gas;

- Mua bán nhựa đường và các chất phụ gia phục vụ cho các công trình giao thông.

- Vốn điều lệ: *11.680.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng)*

- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 116.800 cổ phần, trị giá: 11.680.000.000 đồng.

- Danh sách cổ đông sáng lập:

TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số CP	Giá trị CP (tr.đ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND
1	Vũ Xuân Trường	Số 43, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	65.800	6.580	56,33	080892941

2	Vương Quốc Hùng	Số 103, đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	1.000	100	0,86	080985341
3	Trần Lương Thiện	Số 13, đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	1.000	100	0,86	080964665

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Giám Đốc**

Họ và tên: **VŨ XUÂN TRƯỜNG**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **16/04/1962**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

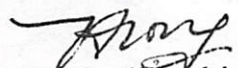
Chứng minh nhân dân số: **080892941**

Ngày cấp: **16/08/2004**

Nơi cấp: **Công an tỉnh Lạng Sơn**

Hộ khẩu thường trú: **Số 43, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn**

Chỗ ở hiện tại: **Số 43, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn.**

Chữ ký: 

7. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

7.1. **MỎ ĐÁ PHAI KỊT**

- Địa chỉ: **Xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.**

Điện thoại: **(025)3853917**

Fax: **(025)3853916**

7.2. **CỬA HÀNG GAS VÀ Ô XÍ TRƯỜNG LỢI.**

- Địa chỉ: **Km16, Quốc lộ 1A, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**



**UBND PHƯỜNG CHI LĂNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Vinh

TRƯỞNG PHÒNG



Vy Thúy Nga

Số: ~~384~~ /TTr-STNMT

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 9 năm 2014

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Phai Kịt,
xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1159/GP-UBND ngày 19/6/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần 389;

Xét hồ sơ của Công ty Cổ phần 389 đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Phai Kịt, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, nộp ngày 17/5/2013; hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung nộp ngày 16/9/2014;

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Phai Kịt, kết quả thẩm định như sau:

1. Công ty Cổ phần 389 (Sau đây gọi tắt là Công ty) được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1159/GP-UBND ngày 19/6/2008 cho phép khai thác mỏ đá vôi Phai Kịt (Công ty thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích được cấp phép khai thác theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ). Để thăm dò đánh giá trữ lượng đá vôi của mỏ Phai Kịt, Công ty đã hợp đồng với đơn vị tư vấn (Công ty Cổ phần tư vấn mỏ) đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 35 Luật Khoáng sản năm 2010 và Điều 3 Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. Ngày 30/7/2014, Công ty hoàn thành việc xác định ranh giới ngoài thực địa với mỏ đá vôi Hồng Phong I của Công ty TNHH Hồng Phong và Mỏ đá vôi Giang Sơn I của Công

ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Giang Sơn; Công ty cổ phần 389 đã có Công văn số 118/CP389 ngày 22/8/2014 đề nghị được tiếp tục triển khai dự án.

2. Kết quả thực hiện các công trình thăm dò:

- Thực hiện đầy đủ các công trình thăm dò so với Đề án thăm dò đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Đối với công tác địa chất: Lập bản đồ địa chất, địa chất công trình tỷ lệ 1/1000: 1,5 ha.

+ Công tác trắc địa: Lập lưới đường truyền hạng IV: 02 điểm, lập lưới đường truyền hạng 1 và hạng 2: 03 điểm, lập lưới thủy chuẩn 04 km, đo vẽ lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1 000: 0,015 km², đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò 0,3 km, xây mốc giới 04 điểm, chuyển vị trí điểm thăm dò từ bản đồ ra thực địa và ngược lại 10 điểm.

+ Lấy, gia công, phân tích: 10 mẫu lát mỏng, 08 mẫu hóa, 08 mẫu cơ lý đá, 02 mẫu đất, 02 mẫu nước.

- Phương pháp tính trữ lượng khoáng sản: Theo phương pháp bình số học trên phần mềm máy tính, sử dụng phương pháp đẳng cao tuyến dựa vào các thông số diện tích, bề dày có áp dụng hệ số điều chỉnh nên đủ độ tin cậy, xác định trữ lượng cấp 121 + 122 là 673.260 m³.

3. Độ tin cậy về trữ lượng, hàm lượng, chất lượng khoáng sản chính và khoáng sản có ích đi kèm:

- Khoáng sản chính (Đá vôi): Đã phân tích thành phần thạch học, đặc tính kỹ thuật, tính cơ lý của đá trong khu vực thăm dò; thí nghiệm tính chất cơ lý, độ mài mòn trong tang quay. Kết quả nghiên cứu thành phần vật chất và đặc tính cơ lý đá bằng các phương pháp có độ tin cậy để xác định mỏ đá vôi Phai Kịt đạt tiêu chuẩn sản xuất đá dăm, đá hộc các loại phục vụ xây dựng dân dụng và công trình giao thông.

- Khoáng sản đi kèm: Trong khu vực thăm dò không có khoáng sản đi kèm.

4. Độ tin cậy về các điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình liên quan đến nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản: Việc xác định các thông số tính trữ lượng được dựa trên các điều kiện kinh tế xã hội, địa chất thủy văn, địa chất công trình liên quan đến nghiên cứu khả thi khai thác khoáng sản và điều kiện khai thác mỏ đủ độ tin cậy để lập thiết kế khai thác mỏ bằng phương pháp lộ thiên.

5. Bố cục và nội dung báo cáo kết quả thăm dò được lập theo Phụ lục 33 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng được lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản năm 2010.

Từ những kết quả thăm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

- Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Phai Kịt, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn” với nội dung như sau:

+ Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 121 + 122 là 673.260 m³, trong đó: Cấp 121 là 200.176 m³; Cấp 122 là 473.084 m³.

+ Khoáng sản đi kèm: Không có.

- Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty Cổ phần 389;
- Lưu: VT, TNKSDC, Th(10).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt